

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Số: 656 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Phước, ngày 13 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Thái Việt, quy mô 100.000
tấn/tháng tại thôn 19/5, xã Đức Hạnh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước
do Công ty Cổ phần Thái Việt Corporation làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ
môi trường;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy
sản xuất thức ăn chăn nuôi Thái Việt, quy mô 100.000 tấn/tháng tại thôn 19/5, xã
Đức Hạnh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Thái Việt
Corporation làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số
30032022/TVC-CV ngày 30/3/2022;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
144/TTr-STNMT ngày 08/4/2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự
án Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Thái Việt, quy mô 100.000 tấn/tháng (sau
đây gọi là Dự án) do Công ty Cổ phần Thái Việt Corporation (sau đây gọi là Chủ
Dự án) thực hiện tại thôn 19/5, xã Đức Hạnh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước
với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi
trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án và thực hiện các nội dung khác theo quy định hiện hành.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và thực hiện các nội dung khác theo quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Bù Gia Mập, Chủ tịch UBND xã Đức Hạnh, Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Thái Việt Corporation và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-30-QĐPD-08/4).

10
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Minh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI
THÁI VIỆT, QUY MÔ 100.000 TẤN/THÁNG TẠI THÔN 19/5,
XÃ ĐỨC HẠNH, HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC
DO CÔNG TY CỔ PHẦN THÁI VIỆT CORPORATION LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số ...656.../QĐ-UBND ngày 13/14.../2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Thái Việt, quy mô 100.000 tấn/tháng.

1.2. Chủ Dự án: Công ty Cổ phần Thái Việt Corporation.

Công ty Cổ phần Thái Việt Corporation được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000928606 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 22/4/2013, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 09/4/2021 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 5483472143 chứng nhận lần đầu ngày 26/5/2021.

Trụ sở chính: Thôn Trung Lương, xã Tam Mỹ Tây, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Puchong Prommachart, chức vụ: Tổng Giám đốc.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Thôn 19/5, xã Đức Hạnh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích khoảng 181.842,4 m² (đã bao gồm diện tích hành lang bảo vệ đường bộ) với quy mô công suất 100.000 tấn/tháng (diện tích khu đất thuộc quyền sử dụng của ông Võ Hùng Chiến được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS002809/CL ngày 12/10/2020). Công ty Cổ phần Thái Việt Corporation thực hiện thủ tục về quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện Dự án.

1.5. Công nghệ của Dự án: Công nghệ tự động khép kín có nguồn gốc từ Thái Lan theo quy trình: Nguyên liệu thô là các phụ phẩm và sản phẩm nông nghiệp (bột đậu nành, cám gạo, khoai mì, bắp...) → Nghiền → Cài đặt công thức → Cân định lượng → Phối trộn; Dạng bột → Bồn chứa thành phẩm → Cân thành phẩm → Đóng bao → Xuất kho; Dạng viên → Hệ thống ép (ép viên) → Làm nguội → Bẻ mảnh → Sàng bụi → Bồn chứa thành phẩm → Cân thành phẩm → Đóng bao → Xuất kho.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Gồm khu văn phòng; khu vực tháp sản xuất; nhà nguyên liệu; nhà thành phẩm; nhà nhập liệu, nhà xuất hàng; khu lò hơi và khu vực xử lý chất thải.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:* Bụi phát sinh từ quá trình đào móng, đắp san nền; bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng; bụi và khí thải phát sinh từ các hoạt động vận chuyển máy móc, thiết bị phục vụ nhà máy; bụi và khí thải từ phương tiện thi công; bụi, khí thải từ quá trình hàn thi công cơ khí; bụi và khí thải từ quá trình chà nhám, sơn tường; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm; bụi, mùi hôi từ khu vực chứa nguyên liệu và khu vực lưu chứa thành phẩm; bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất; bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi cấp nhiệt cho hệ thống sấy; bụi và khí thải máy phát điện dự phòng; mùi hôi từ các điểm tập kết rác thải và khu vực hệ thống xử lý nước thải; nước thải sản xuất; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn thông thường; chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Nước thải xây dựng:* Lưu lượng khoảng 0,91 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng khoảng 08 m³/ngày; thành phần ô nhiễm gồm: Chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, coliform.

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng phát sinh khoảng 21 m³/ngày.đêm; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD₅, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, coliform.

- *Nước thải sản xuất:* Lưu lượng phát sinh khoảng 75,78 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: TSS, COD, BOD₅, amoni, tổng nitơ, tổng photpho.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Bụi phát sinh từ quá trình đào móng, san nền:* Nồng độ bụi phát sinh khoảng 0,048 mg/m³.

- *Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x , CO, SO_2 , VOC.

- *Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển máy móc, thiết bị*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x , CO, SO_2 , VOC.

- *Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện thi công*: Nồng độ bụi phát sinh khoảng $195,45 \text{ mg/m}^3$.

- *Bụi, khí thải từ quá trình hàn thi công cơ khí*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi kim loại, khói hàn, CO, NO_x .

- *Bụi từ quá trình chà nhám, sơn tường*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Xylen, toluene, benzene, VOC_s .

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x , CO, SO_2 , VOC.

- *Bụi, mùi hôi từ khu vực chứa nguyên liệu và khu vực lưu chứa thành phẩm*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: H_2S , NH_3 , bụi từ các nguyên liệu dạng bột như cám gạo, cám mì, gluten...

- *Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất*: Nồng độ bụi phát sinh từ quá trình chế biến thức ăn khoảng $255,57 \text{ mg/m}^3$.

- *Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi cấp nhiệt cho hệ thống sấy*: Nồng độ bụi phát sinh khoảng $302,4 \text{ mg/m}^3$, thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO_2 , NO_x , CO.

- *Khí thải từ máy phát điện dự phòng*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x , CO, SO_2 , VOC.

- *Mùi hôi từ các điểm tập kết rác và khu vực xử lý nước thải*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: NH_3 , H_2S , mercaptan và các amin hữu cơ, andehyt hữu cơ, axit béo dễ bay hơi có mùi hôi khó chịu.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Phát sinh khoảng 172,80 tấn trong suốt quá trình thi công xây dựng, chủ yếu là xi măng, gạch, cát, đá, gỗ, giấy, vụn nguyên liệu rơi vãi...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 90 kg/ngày; thành phần chủ yếu có chứa 60% – 70% chất hữu cơ và 30% – 40% các chất khác.

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 189 kg/ngày; thành phần chủ yếu có chứa 60% – 70% chất hữu cơ và 30% – 40% các chất khác.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*:

+ Khối lượng thùng carton phát sinh khoảng 20 kg/ngày; bao bì thải không dính hóa chất khoảng 32 kg/ngày; nguyên liệu hư hỏng, sản phẩm không đạt chất lượng, quá hạn sử dụng khoảng 384,62 kg/ngày; chất thải từ phòng thí nghiệm khoảng 0,5 kg/ngày; lượng tro thải từ việc sử dụng nhiên liệu đốt nồi hơi khoảng 2,22 kg/ngày.

+ *Bụi và cặn từ hệ thống xử lý khí thải*: Khối lượng bụi phát sinh khoảng 297 kg/ngày; khối lượng cặn thải phát sinh khoảng 0,0641 kg/ngày.

+ *Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải*: Lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 0,72 m³/ngày.đêm; thành phần chủ yếu gồm nước và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án: Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 31 kg/tháng, bao gồm: Dầu nhớt thải; chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; cặn sơn thải; que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại.

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 75 kg/tháng, bao gồm các loại chất thải như: Bóng đèn huỳnh quang thải; hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; giẻ lau thải dính dầu mỡ, nhớt thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; pin, ắc quy chì thải; bao bì cứng thải bằng nhựa (chai nhựa đựng mực in, hóa chất tẩy rửa); bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (chai thủy tinh đựng hóa chất); bao bì cứng thải bằng kim loại (thùng phuy chứa nhớt, dầu mỡ bôi trơn).

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng*: Nước thải xây dựng được thu gom vào hồ ga lắng tạm được xây ở phía Đông khu đất dự kiến xây dựng nhà máy, kích thước: D x R x C = 02 m x 02 m x 1,5 m, dung tích 06 m³. Nước thải sau khi lắng cặn được tái sử dụng cho việc trộn bê tông, rửa xe.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Chủ Dự án thuê 12 nhà dân (có nhà vệ sinh) gần khu vực Dự án để sử dụng (tổng dung tích bề tự hoại của 12 nhà khoảng 13 m³); các nhà dân định kỳ thuê đơn vị có chức năng để hút bùn tự hoại đem đi xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Nước thải sinh hoạt phải đảm bảo được thu gom, xử lý theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê

duyệt. Nước thải xây dựng phải được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng cho quá trình trộn bê tông, rửa xe.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý. Chủ Dự án xây dựng 06 bể tự hoại 03 ngăn với thể tích 09 m³/bể bố trí tại khu vực nhà xưởng 03 bể và khu vực nhà văn phòng 03 bể để xử lý.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sản xuất:* Nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 100 m³/ngày đêm (đã bao gồm hệ số an toàn k = 1,2) với quy trình:

Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Bể điều hòa chung; Nước thải nhà ăn, bếp → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa chung; Nước thải khu rửa, khử trùng xe → Bể tách cặn, dầu mỡ → Bể điều hòa nước thải rửa, khử trùng xe → Cụm bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể điều hòa chung; Nước thải sản xuất (bao gồm nước thải phòng thí nghiệm; nước thải xả đáy lò hơi; nước thải từ hệ thống xử lý khí thải) → Bể điều hòa chung → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng. Nước thải đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số k_q = 0,9, k_f = 1,1, sau đó được tái sử dụng cho hoạt động sản xuất của nhà máy, vệ sinh phương tiện vận chuyển và tưới đường nội bộ để giảm bụi khu vực Dự án.

Kích thước các hạng mục công trình xử lý nước thải như sau:

Công trình	Kích thước (m) (dài x rộng x cao)	Số lượng	Vật liệu xây dựng
Bể tách cặn, dầu mỡ khu rửa, khử trùng xe	1,6 x 1,5 x 2,7	01	Bê tông cốt thép M200, quét chống thấm
Bể điều hòa nước khu rửa, khử trùng xe	2,5 x 2,2 x 3,8	01	
Cụm bể keo tụ - tạo bông khu rửa, khử trùng xe	01 x 01 x 1,1	01	
Bể lắng hóa lý khu rửa, khử trùng xe	1,5 x 1,3 x 3,8	01	
Bể bùn hóa lý khu rửa, khử trùng xe	1,5 x 01 x 3,8	01	
Bể tách dầu mỡ nhà ăn	1,4 x 0,8 x 01	01	
Công trình hệ thống xử lý nước thải của nhà máy			
Bể điều hòa	3,9 x 03 x 3,8	01	Bê tông cốt thép M200, quét chống thấm
Bể sinh học thiếu khí (anoxic)	3,9 x 2,2 x 3,8	01	
Bể sinh học hiếu khí (aerotank)	4,2 x 03 x 3,8	01	
Bể lắng sinh học	03 x 2,5 x 3,8	01	
Bể khử trùng	1,2 x 01 x 3,8	01	
Bể chứa bùn sinh học	1,6 x 01 x 3,8	01	
Hồ chứa nước thải sau xử lý	81,6 x 41,4 x 07	01	Hồ đất, vát taluy và lót bạt HDPE

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải phát sinh từ Dự án phải đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số $k_q = 0,9$, $k_f = 1,1$, sau đó tái sử dụng cho hoạt động sản xuất của nhà máy, vệ sinh phương tiện vận chuyển và tưới đường nội bộ để giảm bụi khu vực Dự án.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu bụi từ quá trình đào móng, san nền:* Tưới nước trong các ngày nắng ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày (sáng, chiều); trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động, găng tay, giày ủng; các loại xe chuyên chở nguyên vật liệu (đất, cát, đá, xi măng...) và xà bần phải được che phủ kín để tránh phát tán bụi; bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển và đi lại, phân luồng giao thông nội bộ trong khu vực Dự án.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ hoạt động của phương tiện vận chuyển:* Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện, sử dụng nhiên liệu xăng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp để giảm thiểu ô nhiễm; áp dụng các biện pháp thi công hiện đại, cơ giới hóa các quá trình thi công. Các phương tiện giao thông không được chở quá tải trọng quy định, hạn chế nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên vật liệu...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ thiết bị thi công trên công trường:* Lên kế hoạch thi công cụ thể và bố trí nhân lực hợp lý, tuần tự, tránh chồng chéo giữa các công đoạn trong quá trình triển khai thi công; bố trí riêng khu vực tập kết nguyên vật liệu cho Dự án và che phủ bạt kín nhằm giảm thiểu bụi phát sinh trong bốc dỡ, lưu chứa nguyên vật liệu xây dựng...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình hàn, thi công cơ khí:* Công nhân phải được tập huấn về kỹ thuật và an toàn khi thi công cơ khí; bố trí khu vực hàn xì cuối hướng gió, khu vực ít người qua lại để tránh ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân trên công trường...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình chà nhám sơn tường:* Huấn luyện về kỹ thuật thi công cho công nhân; trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân như khẩu trang, găng tay, quần áo bảo hộ lao động.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm:* Quy định các phương tiện chờ đúng trọng tải quy định, chạy đúng tốc độ quy định; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; phân bố lượng xe chuyên chở phù hợp; tưới nước sân bãi, đường nội bộ vào mùa khô để giảm bụi, trồng cây xanh theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ máy phát điện dự phòng:* Máy phát điện được bố trí trong khu vực bao che kín xung quanh; khí thải được phát tán ra ngoài qua ống khói cao vượt mái khoảng 02 m, đường kính ống khói 25 cm.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và mùi hôi từ khu vực chứa nguyên liệu và lưu chứa sản phẩm:*

+ *Đối với kho lưu chứa nguyên liệu:* Nền kho chứa nguyên liệu được xây dựng cao ráo, lán xi măng, có bố trí cửa mái trên mái kho chứa nguyên liệu để không khí trong kho lưu thông, hạn chế mùi hôi tích tụ. Mái kho chứa nguyên liệu được lợp tôn để sử dụng lâu dài và chống dột nước khi mưa.

+ *Đối với nguyên liệu:* Tất cả các nguyên liệu cung cấp đạm, cung cấp khoáng đa, vi lượng của Dự án được lưu chứa trong bao bì kín bằng ni lông; trong suốt quá trình nhập liệu và lưu trữ nguyên liệu tại kho chứa, Chủ Dự án phân công nhân viên theo dõi bao bì, kiểm tra độ ẩm của nguyên liệu đầu vào để đưa vào sản xuất ngay những lô nguyên liệu có bao bì bị xì hở, kém an toàn hoặc có độ ẩm cao nhằm giảm thiểu mùi hôi phát sinh khi lưu trữ. Trường hợp phát hiện bao bì chứa nguyên liệu hư hỏng phải lồng thêm bao ni lông bên ngoài và buộc kín miệng bao để hạn chế nguyên liệu rơi vãi, phát sinh bụi và mùi hôi; nếu có nguyên liệu rơi vãi trong quá trình nhập hàng hay lưu trữ trong kho phải thu gom ngay tận dụng cho sản xuất, hạn chế bụi và mùi hôi phát sinh.

+ *Đối với si lô:* Các si lô chứa nguyên liệu của Dự án được hàn kín bằng thép nhằm hạn chế ẩm, thấp gây hư hỏng nguyên liệu, phòng chống côn trùng phá hoại và hạn chế phát tán bụi khi nhập liệu hay khi lưu trữ nguyên liệu.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất:* Thường xuyên vệ sinh nhà xưởng chế biến; công nhân trực tiếp lao động được bố trí trang thiết bị bảo hộ lao động. Chủ Dự án trang bị 02 hệ thống lọc bụi túi vải được bố trí tại khu vực nạp liệu (01 hệ thống) và khu vực đóng bao thành phẩm (01 hệ thống) theo quy trình: Bụi → Đường ống hút → Lọc bụi túi vải → Quạt hút → Thoát khí sạch vào môi trường. Kích thước, thông số các công trình cụ thể như sau:

Tên hạng mục/thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
Túi vải	- Dài x Rộng x Cao = 1,2 m x 0,6 m x 1,7 m - Trọng lượng: 500 g/m ² - Độ dày: 1,6 – 1,8 mm - Độ thoáng khí: 14 m ³ /m ²	48 (02 hệ thống mỗi hệ thống là 24 túi)
Quạt hút khí thải	- Công suất: 04 HP - Lưu lượng: 15.000 m ³ /giờ	02
Chụp hút	Inox 304, cách miệng nạp liệu khoảng 1,7 m	02

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ lò hơi:* Chủ Dự án lắp đặt hệ thống xử lý khí thải để thu gom và xử lý bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi của Dự án với quy trình như sau: Nhiên liệu biomass → Lò hơi → Quạt hút → Lọc bụi thô cyclone chùm → Thiết bị ventury lọc bụi tinh, khói thải → Bể lắng 05 khoang → Ống khói. Bụi và khí thải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ với $k_p = 1,0$, $k_v = 1,2$ thải vào môi trường.

Kích thước các công trình của hệ thống xử lý khí thải như sau:

Tên hạng mục/ thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
Cyclone chùm	- Chiều rộng: 5,5 m; chiều cao: 2,66 m - Số lượng cyclone: 56 cái	01 hệ thống
Quạt hút khí thải	- Công suất: 10 Hp; cột áp: 250 mmH ₂ O - Lưu lượng lớn nhất: 12.000 m ³ /giờ	01
Ventury lọc bụi	Đường kính: 1,03 m; chiều cao: 2,71 m	01
Bể lắng	Kích thước: D x R x C = (2,05 m x 0,85 m x 2,4 m) x 3 và D x R x C = (2,05 m x 01 m x 2,4 m) x 2	05
Ống khói	Chiều cao: 21 m; đường kính 1,2 m	01

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất phải được thu gom, xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ với hệ số $k_p = 1,0$, $k_v = 1,2$ trước khi thải vào môi trường. Đồng thời, tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường và các quy định hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng:* Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh và lưu chứa tạm tại khu vực xây dựng với diện tích kho chứa 24 m², tận dụng san nền tại chỗ với đất, đá, gạch... Đối với lượng chất thải xây dựng không thể tận dụng, Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Thu gom, lưu chứa vào 02 thùng chứa bằng nhựa dung tích 120 lít, có nắp đậy kín lưu chứa trong kho chứa tạm thời có diện tích 12 m², sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Chủ Dự án trang bị các thùng chứa HDPE: 05 thùng dung tích 20 lít đặt tại khu vực văn phòng, 02 thùng dung tích 120 lít đặt tại khu vực sản xuất và 02 thùng có dung tích 240 lít đặt tại điểm trung chuyển rác

thải của Công ty có nắp đậy để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Đối với bụi từ túi vải, cyclone của hệ thống xử lý khí thải được Chủ Dự án thu gom, lưu chứa tại nhà chứa chất thải rắn thông thường; tro từ quá trình đốt và bụi từ hệ thống xử lý khí thải được lưu chứa trong nhà lò hơi có diện tích khoảng 20 – 30 m². Nguyên liệu rơi vãi được thu hồi và đưa vào quy trình sản xuất. Chủ Dự án bố trí các thùng chứa có dung tích 660 lít để thu gom, lưu giữ và xây dựng kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, diện tích 105,04 m², kết cấu: tường và mái bằng tôn, nền bê tông xi măng. Chất thải rắn thông thường được thu gom, phân loại và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải*: Lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom về bể chứa bùn, trong đó bùn hóa lý thu gom vào bể có kích thước: D x R x C = 1,5 m x 01 m x 3,8 m; bùn sinh học thu gom vào bể có kích thước: D x R x C = 1,6 m x 01 m x 3,8 m. Các bể có kết cấu: bê tông cốt thép, chống thấm. Chủ Dự án định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- *Bùn thải phát sinh từ bể tự hoại*: Lượng bùn phát sinh từ bể tự hoại được Chủ Dự án định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- *Cặn thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải*: Lượng cặn phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải được Chủ Dự án thu gom, định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- Thu gom, phân loại chất thải nguy hại vào 05 thùng chứa HDPE, dung tích khoảng 60 lít, có nắp đậy, dán nhãn, lưu chứa tạm tại nhà kho chất thải nguy hại có diện tích 12 m², kết cấu: tường và mái bằng tôn, nền bê tông xi măng. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Thu gom, phân loại chất thải nguy hại vào các thùng chứa HDPE, có nắp đậy, dán nhãn, lưu chứa tạm tại nhà kho chứa chất thải nguy hại có diện tích khoảng 102,06 m², kết cấu: nền bê tông, mái lợp tôn, vách xây gạch trát xi măng,

có gờ, rãnh chống chất thải lỏng chảy tràn... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung của thiết bị, máy móc, phương tiện thi công*: Sử dụng các loại xe chuyên dụng ít gây tiếng ồn, rung hoặc gắn các thiết bị giảm thanh để mức ồn đạt tiêu chuẩn; sắp xếp thời gian làm việc hợp lý; thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra các phương tiện giao thông, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động của Dự án tới kinh tế xã hội*: Ưu tiên sử dụng lực lượng lao động tại địa phương; thường xuyên giám sát quá trình xây dựng của công nhân để có hướng giải quyết thích hợp khi xảy ra mâu thuẫn...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn*: Có kế hoạch thường xuyên theo dõi, bảo trì các máy móc, thiết bị của nhà máy; máy phát điện được đặt trong phòng cách ly xa khu vực nhà kho, có giá đỡ bằng đệm cao su; các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian chờ bốc dỡ; trang bị các nút chụp tai cho công nhân tại các nơi phát sinh tiếng ồn lớn...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do ô nhiễm nhiệt dư*: Xây dựng nhà xưởng thông thoáng, có thông gió tự nhiên; trồng cây xanh có tán xung quanh nhà máy và khu vực xung quanh đảm bảo diện tích theo quy định...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố lò hơi*: Lò hơi phải được cấp chứng nhận an toàn theo quy định trước khi sử dụng; kiểm tra kỹ tình trạng trước khi đưa lò hơi vận hành; xử lý các sự cố theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải:* Kiểm tra thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên; các thiết bị hư hỏng phải được sửa chữa ngay; tạm ngưng hoạt động của lò hơi nếu hệ thống xử lý khí thải ngưng hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả; bố trí nhân viên chuyên trách về môi trường vận hành hệ thống xử lý khí thải nôi hơi...

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:* Chủ Dự án trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị dự phòng của hệ thống xử lý nước thải để thay thế kịp thời khi sự cố xảy ra; thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, sửa chữa kịp thời những hỏng hóc; duy tu bảo trì, bảo dưỡng định kỳ; huấn luyện nâng cao kỹ năng cho công nhân vận hành trạm; bố trí ít nhất 01 nhân viên có trình độ chuyên môn trực tiếp vận hành, kiểm tra, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải...

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố hóa chất:* Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo quy định hiện hành.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Các công trình bảo vệ môi trường chính được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm để đi vào vận hành theo quy định:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom và xử lý nước thải.
- Công trình xử lý bụi, khí thải.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí khu vực thi công:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công.
- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.
- *Tần suất giám sát:* 01 lần trong suốt quá trình xây dựng.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày

10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực kho lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Theo quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm: Thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

5.3. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

5.3.1. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại hồ ga đầu vào hệ thống xử lý nước thải; 01 vị trí tại đầu ra là hồ chứa nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải.

- *Chỉ tiêu giám sát:* Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng, amoni, tổng nitơ, tổng phot pho, dầu mỡ khoáng, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (hệ số $k_q = 0,9$, $k_f = 1,1$).

5.3.2. Giám sát bụi, khí thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, bụi tổng, NO_x, SO₂, CO.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($k_p = 1,0$ và $k_v = 1,2$).

5.3.3. Giám sát môi trường không khí:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại khu vực nguyên liệu; 01 vị trí tại khu vực thành phẩm; 01 vị trí tại khu vực sản xuất; 01 vị trí tại khu vực hệ thống xử lý nước thải; 01 vị trí tại khu vực xử lý khí thải lò hơi.

- *Thông số giám sát:* Tiếng ồn, bụi, CH₄, H₂S, NH₃.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần;

- *Quy chuẩn so sánh:* Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002

của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động, QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc, QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

5.3.4. Giám sát bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại bể chứa bùn từ hệ thống xử lý nước thải.
- *Thông số giám sát:* Asen, bari, cadimi, bạc, chì, kẽm, niken, selen, thủy ngân, tổng dầu.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

5.3.5. Giám sát môi trường nước dưới đất:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại giếng khoan trong khu vực nhà máy.
- *Thông số giám sát:* pH, độ cứng, TDS, Fe tổng, Cl⁻, amoni, nitrat, nitrit, tổng coliform.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 09-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.3.6. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.
- *Quy định áp dụng:* Theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác: Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.2. Toàn bộ nước thải, khí thải phát sinh từ Dự án phải được thu gom, xử lý theo đúng quy định, tuyệt đối không để nước thải, khí thải chưa xử lý thoát ra ngoài môi trường.

6.3. Thực hiện việc trồng cây xanh trong khu vực Dự án như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.4. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu đề xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

6.5. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 78/UBND ngày 29/11/2021 của UBND xã Đức Hạnh về việc ý kiến tham vấn của Dự án Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Thái Việt, công suất 100.000 tấn/tháng và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp của Dự án ngày 29/11/2021 tại Hội trường nhà văn hóa thôn 19/5. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

6.6. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6.7. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt Chủ Dự án phải có trách nhiệm thực hiện các thủ tục tiếp theo theo đúng quy định.

6.8. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.